

Bản án số: 19/2023/HS-PT.
Ngày: 24/3/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Quang Nhuận;

Ông Phạm Hùng Nuôi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Dạ Hằng-Kiểm sát viên.

Ngày 24/3/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 04/2023/TLPT-HS, ngày 03/01/2023 đối với các bị cáo LHD, NQL và VHC do có kháng cáo của bị cáo LHD, NQL và VHC đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2022/HS-ST, ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. LHD; Sinh ngày: 01/01/1990; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm M, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; LHD tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý Hùng S và bà Tiêu Thị L; Có vợ là bà NLC9, sinh năm 1999 và có 01 người con sinh năm 2021; Có 01 tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2013/HS-ST, ngày 09/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, LHD bị xử phạt 07 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” (chấp hành xong vào ngày 15/7/2019); Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2009/HS-ST, ngày 10/11/2009 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, LHD bị xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” (chấp hành xong ngày 30/8/2010, đã được xóa án tích); Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/6/2022 cho đến nay. (có mặt)

2. NQL; Sinh năm: 1999; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi đăng ký thường trú: Khóm S, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nơi ở hiện nay: Khóm M, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học

vấn: 8/12; LHD tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị N; Có 02 tiền án: Lần 1, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2016/HS-ST, ngày 22/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, NQL bị xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Lần 2, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2016/HS-ST, ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, NQL bị xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt của 02 bản án, bị cáo NQL phải chấp hành hình phạt chung là 09 năm 06 tháng tù (chấp hành xong ngày 07/10/2021); Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 27/5/2022 cho đến nay. (có mặt)

3. VHC; Sinh năm: 1998; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp T, xã TK, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 08/12; LHD tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Tấn H và bà Dương Thị Đ; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 27/5/2022 cho đến nay. (có mặt)

- Ngoài ra, còn có bị cáo LHP không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

- Người bào chữa của bị cáo LHD và bị cáo NQL: Ông Nguyễn Khánh T-luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Khánh T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị hại:

1. Ông TQS; Sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Khóm N, Phường B, huyện ST, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông NMH; Sinh năm: 1999; Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông NLQ1; Sinh năm: 2000; Nơi cư trú: ấp T, xã TH, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông NLQ2; Sinh năm: 1997; Nơi cư trú: Khóm H, Phường B, huyện ST, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Người làm chứng:

1. Bà NLC1; Sinh năm: 1999; (vắng mặt)

2. Ông NLC2; Sinh năm: 1997; (vắng mặt)

3. Ông NLC3; Sinh năm: 1997; (vắng mặt)

4. Ông NLC4; Sinh năm: 1997; (vắng mặt)

5. Ông NLC5; Sinh năm: 1995; (vắng mặt)

6. Ông NLC6; Sinh năm: 1999; (vắng mặt)

7. Ông NLC7; Sinh năm: 1988; (vắng mặt)
8. Bà NLC8; Sinh năm: 1997; (vắng mặt)
9. Bà NLC9; Sinh năm: 1999; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 22 giờ 00 phút ngày 22/01/2022, NMH, TQS, NLC1, NLC2, NLC3 và NLC4 uống bia tại khu vực giữa phòng, gần vách tường bên trái, hướng từ cửa quán đi vào của quán Bar thuộc Siêu thị Khóm H, phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Khoảng 30 phút sau, LHD, LHP, NQL, VHC, NLQ1, NLQ2, NLC6, NLC7, NLC8, NLC9, Ca Nu (không rõ lai lịch cụ thể), Thanh (không rõ lai lịch cụ thể) và Bảo (không rõ lai lịch cụ thể) đến uống bia tại phía trong, gần khu vực DJ của quán Bar. Do TQS và NMH có quen biết với vợ của LHD nên TQS và NMH có qua bàn của nhóm LHD mời bia, sau đó LHD cũng qua bàn của nhóm NMH mời bia lại. Đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 23/01/2022, nhóm của LHD tính tiền đi về, LHD là người đi trước, những người trong nhóm của LHD đi phía sau, khi đi ngang qua bàn của nhóm NMH, LHD đi đến đứng chen vào giữa Như và NMH, LHD dùng tay đỡ bàn của nhóm NMH lên nhưng bị TQS, NMH, NLC2 và NLC3 dùng tay giữ lại. Lúc này, TQS hỏi LHD “cái gì vậy LHD”, LHD không trả lời mà dùng tay phải chụp lấy cái ly thủy tinh trên bàn ném trúng vào mặt TQS gây thương tích. Sau khi bị LHD gây thương tích thì TQS chạy vào khu vực nhà vệ sinh của quán để trốn, còn LHD thì quay người sang dùng tay và chân đánh đá NMH. Khi thấy LHD đánh NMH thì nhóm của LHD xông vào đánh NMH. Trong đó, VHC leo lên ghế dùng cây gập nước đá, bằng kim loại, dài khoảng 20cm đâm từ trên xuống dưới trúng vào cổ NMH; NQL lấy trong người ra một cây kéo bằng kim loại dài khoảng 10cm đâm vào vùng lưng, hông trái của NMH; LHP cầm một cái gạt tàn thuốc lá, bằng sứ để trên bàn đánh liên tiếp vào đầu của NMH. Sau đó, NMH bị té ngã thì LHP tiếp tục dùng ly thủy tinh để trên bàn ném trúng hai cái vào đầu của NMH, LHD dùng ly thủy tinh để trên bàn ném về hướng của NMH, rồi NMH đứng dậy và bỏ chạy ra ngoài. Sau khi gây thương tích cho NMH và TQS thì nhóm của LHD đi về, còn NMH và TQS thì được mọi người đưa đi bệnh viện cấp cứu.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 132/TgT-PY ngày 28/3/2022 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận về thương tích của TQS như sau: Sẹo phần mềm vùng trán bên trái, kích thước trung bình, tỉ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là 06%; Gãy xương chính mũi đã được điều trị. Sống mũi thẳng, khe mũi thông thoáng, không ảnh hưởng thở, tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là 07%; Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 13%; Tổn thương vùng trán trái và gãy xương chính mũi không gây ảnh hưởng chức năng; Tổn thương xương chính mũi do vật tày gây nên; Tổn thương vùng trán không rõ tính chất tổn thương nên không xác định được vật gây thương tích.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 129/TgT-PY ngày 25/3/2022 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận về thương tích của NMH như sau: Sẹo phần mềm vùng đỉnh trái, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là 01%; Sẹo phần mềm vùng lưng bên trái, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là 01%; Sẹo phần mềm vùng hông bên trái kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là 01%; Vết rối loạn sắc tố da vùng cổ, kích thước 02cm x 0,5cm, tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là 01%; Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 04%; Các tổn thương vùng lưng bên trái, hông bên trái có đặc điểm do vật sắc nhọn gây nên; Các tổn thương vùng đỉnh trái, vùng cổ không rõ tính chất tổn thương nên không xác định được vật gây thương tích; Các tổn thương không ảnh hưởng chức năng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2022/HS-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào các điểm a, i khoản 1 và điểm d, đ khoản 2 Điều 134; Các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo LHD.

- Căn cứ vào các điểm a, i khoản 1 Điều 134; Các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo NQL.

- Căn cứ vào các điểm a, i khoản 1 Điều 134; Các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo LHP.

- Căn cứ vào các điểm a, i khoản 1 Điều 134; Các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo VHC.

- Tuyên bố: Các bị cáo LHD, NQL, LHP và VHC phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo LHD 02 năm 06 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2022.

- Xử phạt bị cáo NQL 09 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bị bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo LHP 06 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/6/2022.

- Xử phạt bị cáo VHC 06 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bị bắt thi hành án

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm LHD sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

* Ngày 05/12/2022, bị cáo LHD kháng cáo xin giảm hình phạt; bị cáo NQL và bị cáo VHC kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo LHD giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và bị cáo LHD xác định không có gây thương tích cho bị hại TQS.

- Bị cáo NQL giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Bị cáo VHC giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo LHD: Bị cáo LHD xác định không có dùng ly thủy tinh gây thương tích cho bị hại TQS; Bị cáo LHD chỉ cùng các bị cáo khác gây thương tích cho bị hại NMH với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 04%. Do đó, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn theo điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo LHD còn được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như cấp sơ thẩm đã áp dụng tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo LHD, giảm hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo mức án tù bằng với thời gian tạm giam.

- Lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo NQL: Trong vụ án này, bị cáo NQL chỉ gây thương tích cho bị hại NMH với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02% và bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Bị cáo NQL có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s, điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo NQL, giảm hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng xác định: Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo LHD phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 và điểm d, đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo NQL và VHC phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) có căn cứ. Đồng thời, cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo LHD, NQL và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo VHC là đúng quy định pháp luật. Xét cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo LHD 02 năm 06 tháng tù, bị cáo NQL là 09 tháng tù và bị cáo VHC là 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, vai trò của các bị cáo trong vụ án, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được áp dụng. Xét các bị cáo NQL và VHC phạm tội có tính chất côn đồ và bị cáo NQL có tiền án chưa được xóa nên các bị cáo không đủ điều kiện hưởng án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung

năm 2021), không chấp nhận kháng cáo của bị cáo LHD về việc xin giảm hình phạt, các bị cáo NQL, VHC về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa cho các bị cáo LHD và NQL vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị được bảo lưu quan điểm bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm ngày 03/3/2023, các bị cáo LHD và NQL thống nhất được xét xử vắng mặt người bào chữa; bị hại TQS, NMH, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án NLQ1, người làm chứng NLC1, NLC2, NLC3, NLC4, NLC5, NLC6, NLC7, NLC8 vắng mặt không lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo LHD lập và được Nhà tạm giữ Công an thành phố S xác nhận vào ngày 05/12/2022; Đơn kháng cáo của bị cáo NQL và Đơn kháng cáo của bị cáo VHC lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 05/12/2022 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2021). Căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo LHD, kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo NQL và VHC theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo LHD xác định không có gây thương tích cho bị hại TQS. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại TQS xác định đã bị bị cáo LHD dùng ly thủy tinh ném trúng vào mặt gây thương tích. Xét lời khai của bị hại TQS là phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm như lời khai của bị cáo VHC, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan đến vụ án NLQ2, phù hợp với lời khai của bị hại NMH trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người làm chứng NLC2 trong quá trình điều tra (bút lục số 301-305). Ngoài ra, lời khai của bị hại TQS còn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được. Do đó, có đủ cơ sở để xác định hành vi của các bị cáo LHD, LHP, NQL và VHC đã thực hiện như sau: Vào lúc khoảng 00 giờ 10 phút ngày 23/01/2022, tại quán Bar thuộc Siêu thị Khóm H, phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, do không hài lòng trong quá trình tiếp xúc với nhóm của TQS và NMH, bị cáo LHD đã dùng tay chụp lấy cái ly thủy tinh ném trúng vào mặt bị hại TQS gây thương tích. Ngay sau đó, bị cáo LHD dùng tay và chân đánh đá bị hại NMH và NQL,

VHC, LHP cũng xông vào đánh NMH. VHC leo lên ghế dùng cây gập nước đá bằng kim loại đâm từ trên xuống trúng vào cổ của bị hại NMH, còn NQL lấy cây kéo bằng kim loại đâm vào vùng lưng, hông trái của NMH, còn LHP dùng gạt tàn thuốc lá bằng sứ đánh liên tiếp nhiều cái vào đầu của NMH. Khi NMH bị té ngã thì LHP liên tiếp dùng ly thủy tinh ném trúng hai cái vào đầu của NMH. Theo kết luận giám định, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại TQS do thương tích gây nên là 13% và tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại NMH do thương tích gây nên là 04%. Xét công cụ mà bị cáo LHD dùng để gây thương tích cho bị hại TQS và công cụ mà các bị cáo VHC, NQL và LHP dùng để gây thương tích cho bị hại NMH đều là loại hung khí nguy hiểm và các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có tính chất côn đồ. Riêng bị cáo LHD phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Tuy nhiên, các bị cáo gây thương tích cho bị hại NMH thuộc trường hợp đồng phạm nhưng không có câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo LHD phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 và điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và kết luận các bị cáo NQL, VHC và LHP phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo LHD, về việc xin giảm hình phạt: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo LHD là người có nhân thân xấu, có 01 tiền án và lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại (bồi thường cho mỗi bị hại số tiền là 500.000 đồng), bị cáo khai nhận hành vi đánh bị hại NMH, bị cáo là người LHD tộc Khmer, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng, bị hại TQS xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, từ đó áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo LHD giữ vai trò thứ nhất trong vụ án, chính bị cáo là người đánh các bị hại trước, khởi xướng các bị cáo khác cùng tham gia đánh bị hại NMH. Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo LHD mức án 02 năm 06 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, vai trò của bị cáo trong vụ án, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng. Trong vụ án này, bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm, không những gây thiệt hại về sức khỏe cho các bị hại mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nên người bào chữa cho bị cáo LHD cho rằng bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn là không có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào phải được áp dụng đối với bị cáo nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo LHD.

[4] Xét kháng xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo NQL: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo NQL là người có nhân thân xấu, có 02 lần bị Tòa án kết án về tội “Cố ý gây thương tích” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo NQL đã tự nguyện bồi thường cho bị hại NMH số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo thành khẩn khai báo, từ đó áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo NQL tích cực tham gia đánh bị hại NMH. Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo NQL mức án 09 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, vai trò của bị cáo trong vụ án, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm, không những gây thiệt hại về sức khỏe cho bị hại NMH mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nên người bào chữa cho bị cáo NQL cho rằng bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn là không có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào phải được áp dụng đối với bị cáo nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo NQL, về việc xin giảm hình phạt.

[5] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo VHC: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo VHC không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo VHC có nhân thân tốt, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại NMH số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, từ đó áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo VHC tích cực tham gia đánh bị hại NMH. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo VHC mức án 06 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, vai trò của bị cáo trong vụ án, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng. Đồng thời, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào phải được áp dụng đối với bị cáo nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo VHC, về việc xin giảm hình phạt.

[6] Xét kháng cáo của các bị cáo NQL và VHC, về việc xin hưởng án treo: Xét trong vụ án này, các bị cáo NQL và VHC phạm tội trong trường hợp có tính chất côn đồ và bị cáo NQL phạm tội trong trường hợp tái phạm nên thuộc trường hợp không được hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 (Sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 23/3/2022) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo LHD và bị cáo NQL. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo LHD, NQL và VHC, giữ nguyên phần quyết định về hình phạt đối với các bị cáo LHD, NQL và VHC của bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và TQS dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo LHD, NQL và VHC, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2021).

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo LHD, về việc xin giảm hình phạt.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo NQL và VHC, về việc xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

- Giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với các bị cáo LHD, NQL và VHC của Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2022/HS-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo LHD.

Xử phạt bị cáo LHD 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2022.

3. Căn cứ vào điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134; Điều 17; Điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo NQL.

Xử phạt bị cáo NQL 09 (Chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

4. Căn cứ vào điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134; Điều 17; Điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo VHC.

Xử phạt bị cáo VHC 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và TQS dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc bị cáo LHD chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

- Xử buộc bị cáo NQL chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

- Xử buộc bị cáo VHC chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

4. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1-TAND tối cao (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND thành phố S (04);
- VKSND thành phố S (01);
- CQĐT-Công an huyện ST (01);
- CQTHAHS-Công an thành phố S (01);
- Chi cục THADS thành phố S (01);
- Các bị cáo (03);
- Người bào chữa (01);
- Trại tạm giam-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- PKTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vũ